

Bản án số: 109/2020/HS-PT

Ngày: 05-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang;

Thẩm phán thành viên: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Trần Văn V và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Trần Văn V và Trần Ngọc N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2020/HS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Văn V**, sinh năm 1991 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: Thôn N, xã C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nơi tạm trú: Khu phố B, phường K, thị xã U, tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần Văn B, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 và 01 con, sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2019 cho đến nay, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Ngọc N**, sinh năm 1997 tại tỉnh Bạc Liêu; thường trú: Ấp TH 1B, xã VA, huyện L, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Cư xá HL 2, Tổ 5, khu phố 7, phường UH, thị xã U, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; con

ông Trần Văn P, sinh năm 1970 và bà Trương Thị T, sinh năm 1976; bị cáo chưa vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2019 cho đến nay, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có 07 bị cáo, bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần L được giao nhiệm vụ kiểm tra, nhận hàng và xuất hàng tại kho bao bì của Công ty F(gọi tắt là Công ty A) có trụ sở tại khu phố 7, phường UH, thị xã U, tỉnh Bình Dương. Các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn B, Dương Sô P và Trần Ngọc N là công nhân giao hàng của Công ty LH; bị cáo Nguyễn Văn Nhí N là công nhân giao hàng của Công ty V. Bị cáo Trần L đã bàn bạc với các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn B, Dương Sô P, Trần Ngọc N và Nguyễn Văn Nhí N về việc chiếm đoạt tài sản của Công ty A bán lấy tiền tiêu xài và thỏa thuận về việc chia nhau như sau: Đối với số hàng của Công ty LH giao cho Công ty A thì các bị cáo Trần L, Trần Văn V và Trần Văn B thỏa thuận chia đôi; đối với số hàng của Công ty V giao cho Công ty A thì các bị cáo Trần L và Nguyễn Văn Nhí N thỏa thuận là bị cáo Trần L được chia 60% giá trị, bị cáo Nguyễn Văn Nhí N được chia 40% giá trị. Hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể như sau:

- *Lần thứ 1:* Ngày 07/6/2019, các bị cáo Trần Văn V và Trần Ngọc N được Công ty LH phân công giao 96 cuộn mút xốp quy cách (0,8m x 1,2m) cho Công ty A. Sau khi nhận hàng bị cáo Trần Văn V gọi điện thông báo cho bị cáo Trần L biết và các bị cáo thỏa thuận sẽ lấy 20 cuộn mút xốp đem ra ngoài bán. Sau đó bị cáo Trần Văn V nói lại ý định trên thì bị cáo Nguyễn Ngọc N đồng ý cùng thực hiện. Các bị cáo Trần Văn V và Nguyễn Ngọc N đến Công ty A giao 76 cuộn mút xốp nhưng bị cáo Trần L ký nhận đủ 96 cuộn mút xốp. Sau đó, các bị cáo Trần Văn V và Nguyễn Ngọc N chở 20 cuộn mút xốp còn lại đến nhà Trần Quảng H, biết đó là tài sản do phạm tội mà có nhưng Trần Quảng H vẫn đồng ý mua 20 cuộn mút xốp với giá 4.000.000 đồng. Bị cáo Trần Văn V chia cho bị cáo Trần L 2.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn Ngọc N 600.000 đồng, giữ lại 1.400.000 đồng.

- *Lần thứ 2:* Ngày 21/6/2019, các bị cáo Trần Văn V và Trần Ngọc N được Công ty LH phân công giao 100 cuộn mút xốp quy cách (0,8m x 1,2m) cho Công ty A. Sau khi nhận hàng, bị cáo Trần Văn V gọi điện thông báo cho bị cáo Trần

L thì các bị cáo thoả thuận sẽ lấy 40 cuộn mứt xốp đem ra ngoài bán. Bị cáo Trần Văn V có nói với bị cáo Nguyễn Ngọc N về nội dung đã trao đổi với bị cáo Trần L thì bị cáo Nguyễn Ngọc N đồng ý cùng thực hiện. Sau đó các bị cáo Trần Văn V và Nguyễn Ngọc N đến Công ty A giao 60 cuộn mứt xốp nhưng bị cáo Trần L ký nhận đủ 100 cuộn mứt xốp vào phiếu giao hàng. Các bị cáo Trần Văn V và Nguyễn Ngọc N chở 40 cuộn mứt xốp còn lại đến nhà Trần Quảng Q. Biết đó là tài sản do phạm tội mà có nhưng Quỳnh vẫn đồng ý mua 40 cuộn mứt xốp với giá 8.000.000 đồng. Bị cáo Việt chia cho bị cáo Trần L 4.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Ngọc N 800.000 đồng, giữ lại 3.200.000 đồng.

- *Lần thứ 3*: Ngày 22/6/2019, các bị cáo Trần Văn B và Dương Sô P được Công ty LH phân công giao 45 cuộn mứt xốp quy cách (0,8m x1,2m) cho Công ty A. Sau khi nhận hàng, bị cáo Bình gọi điện thông báo cho bị cáo Trần L thì các bị cáo thống nhất đem 45 cuộn mứt xốp đi bán rồi đưa phiếu giao hàng cho bị cáo Trần L ký không. Sau đó, bị cáo Trần Văn B gọi điện nhờ bị cáo Trần Văn V chỉ chỗ tiêu thụ số hàng trên thì bị cáo Việt nói sẽ bán giúp nhưng bị cáo Bình phải trả tiền xe thì bị cáo Trần Văn B đồng ý. Các bị cáo Trần Văn B và Dương Sô P chạy xe đến gần cây xăng Nam U thuộc phường UH, thị xã U, tỉnh Bình Dương chờ bị cáo Trần Văn V. Khi xe của bị cáo Trần Văn V đến thì các bị cáo Trần Văn B và Dương Sô P chuyển 45 cuộn mứt xốp sang xe của bị cáo Việt. Sau đó các bị cáo Trần Văn B và Dương Sô P đến Công ty A đưa phiếu giao hàng cho bị cáo Trần L ký không nhận đủ 45 cuộn mứt xốp. Bị cáo Trần Văn V chở 45 cuộn mứt xốp đến nhà Trần Quảng H. Biết đó là tài sản do phạm tội mà có nhưng Trần Quảng H vẫn đồng ý mua 45 cuộn mứt xốp với giá 9.000.000 đồng. Sau khi bị cáo Trần Văn V giao lại số tiền 9.000.000 đồng thì bị cáo Trần Văn B chia cho bị cáo Trần Văn V 400.000 đồng, bị cáo Trần L 4.500.000 đồng, bị cáo Dương Sô P 1.200.000 đồng và giữ lại 2.900.000 đồng.

- *Lần thứ 4*: Ngày 02/7/2019, bị cáo Nguyễn Văn Nhí N được phân công chở 15.000 cái góc giấy và một số bìa giấy từ Công ty V đến Công ty A. Sau khi nhận hàng, bị cáo Nguyễn Văn Nhí N gọi điện thông báo cho bị cáo Trần L thì bị cáo Trần L nói mang 15.000 cái góc giấy đem bán rồi đưa phiếu giao hàng cho bị cáo Trần L ký không. Sau đó, bị cáo Nguyễn Văn Nhí N chở 15.000 cái góc giấy đến nhà Đỗ Huy T. Biết đó là tài sản do phạm tội mà có nhưng Đỗ Huy T vẫn đồng ý mua 15.000 cái góc giấy với giá 2.550.000 đồng. Sau đó bị cáo Nguyễn Văn Nhí N đến Công ty A giao số bìa giấy nhưng bị cáo Trần L vẫn ký không nhận đủ 15.000 cái góc giấy và số bìa giấy. Bị phát hiện nên cùng ngày 02/7/2019 bị cáo Nguyễn Văn Nhí N đã đến gặp bị cáo Đỗ Huy T chuộc lại 15.000 cái góc giấy để trả lại cho Công ty A.

Cùng ngày 02/7/2019, Công ty A trình báo sự việc, Công an phường UH mời các đối tượng về trụ sở làm việc thì các bị cáo Trần L, Trần Văn V, Trần Văn B, Nguyễn Văn Nhí N, Nguyễn Ngọc N, Dương Sô P, Trần Quảng H, Trần Quảng Q và Đỗ Huy T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Công an phường UH lập hồ sơ ban đầu chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã U giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 197/KLTS-TTHS ngày 10/07/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã U, kết luận: 42.000 mét (105 cuộn) mút xốp mã hàng WP2502001, quy cách (1.2 x 0.8) mét x 400 mét trị giá là 31.500.000 đồng; 15.000 cái góc giấy, mã hàng CC0500000003, quy cách 250*250*0 trị giá là 16.920.000 đồng; tổng cộng là 48.420.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2020/HS-ST, ngày 25/5/2020 của Toà án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trần Trần L, Trần Văn V, Trần Văn B, Trần Ngọc N, Dương Sô P và Nguyễn Văn Nhí N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tuyên bố các bị cáo Trần Quảng H, Trần Quảng Q và Đỗ Huy T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Trần Văn V01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc N 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn xử phạt: Bị cáo Trần L01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; bị cáo Trần Văn B 10 (mười) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án số 119/2018/HSPT ngày 09/11/2018 của TAND tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù; bị cáo Dương Sô P08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án; bị cáo Nguyễn Văn Nhí N 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án; bị cáo Trần Quảng H 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng); bị cáo Đỗ Huy T 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); bị cáo Trần Quảng Q 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Bản án còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

Ngày 08/6/2020, bị cáo Trần Văn Vkháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Trần Ngọc Nkháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo thẩm quyền và quy định tại Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm xác định. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng các bị cáo phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Việt mức án 01 (một) năm tù, bị cáo Nguyễn Ngọc N mức án 10 (mười) tháng tù là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận và trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Trần L được giao nhiệm vụ kiểm tra, nhận hàng và xuất hàng tại kho bao bì của Công ty A; các bị cáo Trần Văn V, Trần Văn B, Dương Sô P và Trần Ngọc N là công nhân giao hàng của Công ty LH; bị cáo Nguyễn Văn Nhí N là công nhân giao hàng của Công ty V. Lợi dụng nhiệm vụ được giao và sự tin tưởng của công ty A, vào các ngày 07/6/2019, 21/6/2019, 22/6/2019 và 02/7/2019 Trần L đã bàn bạc cùng Trần Văn V, Trần Ngọc N, Trần Văn B, Dương Sô P và Nguyễn Văn Nhí N cùng nhau chiếm đoạt 105 cuộn mút xốp và 15.000 cái góc giấy của Công ty A đem bán cho Trần Quảng H, Trần Quảng Q và Đỗ Huy T lấy tiền chia nhau tiêu xài. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của Công ty A là 48.420.000 đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Trần L, Trần Văn V, Trần Văn B, Dương Sô P, Trần Ngọc N và Nguyễn Văn Nhí N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a

khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] *Xét kháng của bị cáo Trần Văn V, Trần Ngọc N, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng tội danh, khung hình phạt áp dụng đối với các bị cáo Việt, Nguyễn Ngọc N; đánh giá tính chất, mức độ phạm tội, xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Trần Văn V mức án 01 (một) năm tù, bị cáo Nguyễn Ngọc N mức án 10 (mười) tháng tù là phù hợp. Bị cáo Trần Văn V kháng cáo xin chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Nguyễn Ngọc N kháng cáo xin hưởng án treo. Tuy nhiên, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần (Trần Văn V thực hiện 03 lần, Nguyễn Ngọc N thực hiện 02 lần, mỗi lần đều đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự); với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cũng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Văn V, Trần Ngọc N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn V, Trần Ngọc N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2020/HS-ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã U, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để

thi hành án.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc N 10 (mười) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Văn V và Trần Ngọc N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã U;
- VKSND thị xã U ;
- Chi cục THADS thị xã U ;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD;
- Công an thị xã U ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Hiệp
- Bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS.

1
2
1
1
1
1
1
1
3

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sang